

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2022
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tùng

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hứa Họa M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Chị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Phan Hồng P, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hứa Họa M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị trình bày:

Chị và anh Phan Hồng P kết hôn vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P bỏ về gia

đình ruột sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là cháu Phan Hứa My K, sinh ngày 14/7/2011 và Phan Hứa Khánh L, sinh ngày 19/4/2016, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu L. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Phan Hồng P đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời anh đến Tòa án tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng anh vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Hứa Họa M đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Phan Hồng P chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Họa M về việc xin ly hôn với anh Phan Hồng P. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Hứa My K, sinh ngày 14/7/2011 và Phan Hứa Khánh L, sinh ngày 19/4/2016 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hứa Họa M yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Phan Hồng P, cư trú tại ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Phan Hồng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị M trình bày thì chị và anh P kết hôn vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/01/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đó, chị M cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh P đã về gia đình ruột sinh sống và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị M và anh P đoàn tụ nhưng anh P không đến tham dự các phiên hòa giải và chị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đã chứng tỏ anh chị không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, chị M và anh P không còn chung sống với nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh P là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh P có 02 con chung là cháu Phan Hứa My K, sinh ngày 14/7/2011 và Phan Hứa Khánh L, sinh ngày 19/4/2016. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và cháu L. Xét thấy, anh P vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hơn nữa, cháu K và cháu L hiện nay đang sống với chị M. Cháu K mắc bệnh Hội chứng Down bẩm sinh từ nhỏ nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp từ mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu K và cháu L, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của hai cháu cần giao hai cháu cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu L. Căn cứ theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình quy định người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định trên thì chị M là người trực tiếp nuôi con nên chị được quyền yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị M phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hứa Họa M đối với anh Phan Hồng P.

Chị Hứa Họa M được ly hôn với anh Phan Hồng P.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Hứa My K, sinh ngày 14/7/2011 và Phan Hứa Khánh L, sinh ngày 19/4/2016 cho chị Hứa Họa M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Ghi nhận việc chị Hứa Họa M tự nguyện không yêu cầu anh Phan Hồng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con.

Anh Phan Hồng P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hứa Họa M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Hứa Họa M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008119 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang